

Số: 28/KH-LĐLĐ

Lai Châu, ngày 13 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Sơ kết 5 năm triển khai Chương trình hành động số 02/CTr-BCH ngày 20/7/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 02-NQ ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”

Thực hiện Kế hoạch số 71/KH-TLĐ, ngày 10/3/2026 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về sơ kết 5 năm triển khai Chương trình hành động số 02/CTr-BCH ngày 20/7/2021 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 02-NQ ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh ban hành Kế hoạch sơ kết Chương trình hành động số 02 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Làm rõ kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, khó khăn, xác định nguyên nhân, đúc kết bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW, Chương trình hành động số 02/CTr-BCH.

- Phân tích, dự báo các vấn đề phát sinh trong tình hình mới để đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 02/CTr-BCH của Tổng Liên đoàn, bảo đảm phù hợp với phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động Công đoàn trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Công tác sơ kết phải đảm bảo sự thống nhất từ LĐLĐ tỉnh đến cơ sở, đồng thời phát huy sáng tạo, đặc thù từng đơn vị, ngành đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức.

- Báo cáo sơ kết phải ngắn gọn, số liệu đầy đủ, minh chứng rõ ràng, kết hợp định lượng và định tính.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Xây dựng Báo cáo sơ kết 5 năm triển khai Chương trình hành

động số 02/CTr-TLĐ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW

a. Nội dung:

Báo cáo được xây dựng theo Đề cương chi tiết kèm theo Kế hoạch này, đảm bảo bám sát các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong Nghị quyết 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 02/CTr-BCH của Tổng Liên đoàn và chương trình, kế hoạch hành động của các cấp công đoàn (có Đề cương kèm theo).

b. Tiến độ:

- Các công đoàn cơ sở hoàn thành Báo cáo sơ kết trước ngày 10/5/2026 (Gửi về ban Công tác Công đoàn, LĐLĐ tỉnh).

- Liên đoàn Lao động tỉnh hoàn thành Báo cáo sơ kết và gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 15/5/2026.

2. Tổ chức khảo sát đánh giá kết quả triển khai thực hiện tại các Công đoàn cơ sở

Căn cứ tình hình thực tế LĐLĐ tỉnh tổ chức lồng ghép các cuộc kiểm tra, giám sát để khảo sát đánh giá kết quả triển khai tại các CĐCS.

a. Thành phần:

- Thường trực LĐLĐ tỉnh

- Đại diện lãnh đạo Ban Công tác Công đoàn; cán bộ tham mưu.

b. Nội dung làm việc:

- Khảo sát, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 02/CTr-BCH.

- Ghi nhận mô hình hay, cách làm hiệu quả, những khó khăn, vướng mắc, trong việc tổ chức thực hiện và kiến nghị của đơn vị.

c. Thời gian:

Trong tháng 4,5/2026 tại một số CĐCS (Có kế hoạch riêng của UBKT).

3. Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm triển khai Chương trình hành động số 02/CTr-TLĐ

a. Nội dung:

- Đánh giá kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế, vướng mắc trong triển khai Chương trình hành động số 02/CTr-BCH; đề xuất phương hướng, giải pháp tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn trong bối cảnh mới.

- Góp ý dự thảo Báo cáo sơ kết 5 năm triển khai Chương trình hành động số 02/CTr-BCH của Tổng Liên đoàn; báo cáo sơ kết của địa phương.

- Khen thưởng (nếu có).

b. Thời gian:

- Các công đoàn cơ sở hoàn thành trong tháng 4/2026.
- Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết trong tháng 5 hoặc tháng 6/2026 (*có kế hoạch riêng*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên đoàn Lao động tỉnh

- Tham mưu, chủ trì triển khai kế hoạch sơ kết đảm bảo về nội dung, chất lượng, hiệu quả, tiến độ.
- Hướng dẫn, đôn đốc các công đoàn cơ sở sơ kết và báo cáo kết quả.
- Tập hợp báo cáo của các đơn vị để nghiên cứu, xây dựng báo cáo của LĐLĐ tỉnh về sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 02.
- Tiếp thu, hoàn thiện báo cáo trình Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh ký gửi Tổng Liên đoàn.
- Các đồng chí trong ban Công tác Công đoàn phối hợp xây dựng báo cáo, tổng hợp số liệu theo lĩnh vực được phụ trách, theo dõi.

2. Công đoàn cơ sở

Căn cứ Kế hoạch này, tiến hành sơ kết những nội dung thực hiện nghị quyết ở đơn vị mình, đề xuất, kiến nghị những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở trong tình hình mới.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ Ban Công tác Công đoàn, LĐLĐ tỉnh để cùng trao đổi, giải quyết./.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực TLĐLĐVN;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban TT Ủy Ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban QHLD Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh;
- Các CĐCS trực thuộc;
- Lưu: LĐLĐ tỉnh.

Lương Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 02/CTr-BCH của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 02-NQ ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị
(Kèm theo Kế hoạch số 28/KH-LĐLĐ, ngày 13/4/2026 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Lai Châu)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh chung: Trong nước và quốc tế; dịch COVID-19; chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; xu hướng lao động mới.

2. Bối cảnh cụ thể: biến động cơ cấu lao động; yêu cầu tinh gọn bộ máy công đoàn; kỳ vọng của đoàn viên; vai trò công đoàn trong hệ thống chính trị.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Kết quả tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số Nghị quyết số 02-NQ/TW.

- Việc xây dựng kế hoạch thực hiện: Chỉ đạo ban hành chương trình, kế hoạch cụ thể của từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời cụ thể hóa, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu của Nghị quyết vào kế hoạch công tác hằng năm.

- Công tác kiểm tra, giám sát: Kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc triển khai; tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

2. Việc triển khai của tổ chức Công đoàn

- Công tác quán triệt, tuyên truyền: Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết trong cán bộ công đoàn, đoàn viên, công nhân, lao động (nêu rõ số hội nghị, lớp tập huấn, lượt cán bộ/đoàn viên tham gia học tập Nghị quyết; Hình thức tuyên truyền (trực tiếp, trực tuyến, qua báo chí công đoàn, mạng xã hội...).

- Cụ thể hóa nhiệm vụ: Việc ban hành các văn bản thực hiện Chương trình hành động, kế hoạch triển khai của tỉnh, thành ủy, ban cán sự Đảng, của Tổng Liên đoàn gắn với các nhóm nhiệm vụ trọng tâm.

- Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá: Việc chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn tổ chức sơ kết, tổng kết; phát hiện mô hình mới, cách làm hiệu quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

- Công tác tham mưu với các cấp ủy đảng trong chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết; qua đó phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong hệ thống chính trị.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Bám sát nội dung Nghị quyết số 02-NQ/TW, văn bản chỉ đạo của tỉnh; Chương trình hành động số 02/CTr-BCH Tổng Liên đoàn và chương trình hành động, kế hoạch thực hiện của đơn vị đề tập trung làm rõ các kết quả sau:

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

- Kết quả công tác tham mưu tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

- Kết quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, người lao động; tuyên truyền để người sử dụng lao động, cán bộ, đoàn viên và người lao động nhận diện các hành vi lợi dụng việc thành lập và hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp để xâm phạm an ninh quốc gia, gây mất trật tự an toàn xã hội.

- Kết quả triển khai Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Kết quả nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị, lịch sử quan trọng của Đảng, đất nước và của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

- Công tác quản lý, phát triển các loại hình truyền thông của tổ chức công đoàn; việc ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số, công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền.

2. Tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; phát triển đa dạng, hiệu quả các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, người lao động.

- Kết quả công tác tham gia xây dựng hoàn thiện các chính sách, pháp luật về lao động và công đoàn. Thống kê số văn bản góp ý, số kiến nghị được tiếp thu; nêu rõ những vấn đề trọng tâm được phản ánh từ cơ sở, kết quả tiếp thu của cơ quan có thẩm quyền.

- Kết quả công tác tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, người lao động và tổ chức công đoàn.

- Kết quả tham gia phát triển nhà ở cho công nhân: Nêu số dự án thiết chế công đoàn đã triển khai hoặc đang trong tiến độ, số người lao động được hưởng lợi (nếu có).

- Kết quả công tác đại diện chăm lo, bảo vệ quyền lợi, giải quyết những vấn đề khó khăn, bức thiết của đoàn viên, người lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại doanh; phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu nhà ở công nhân.

- Số lượng, chất lượng thỏa ước lao động tập thể; hiệu quả đối thoại, thương lượng; triển khai thiết chế công đoàn; kết quả thực hiện các mô hình "Chất lượng bữa ăn ca"; "Phúc lợi đoàn viên"; "Tết Sum vầy", "Tháng Công nhân", "Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động" và các quỹ do tổ chức công đoàn quản lý.

- Kết quả thực hiện các chương trình, đề án thực hiện các khâu đột phá trong nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam. Chỉ rõ kết quả đạt được, khó khăn, kiến nghị để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2026-2030.

3. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động cho công nhân.

- Nêu rõ việc công đoàn các cấp tham gia đề xuất, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho đào tạo, bồi dưỡng, chuyên đổi nghề.

- Kết quả công đoàn cơ sở đề xuất với người sử dụng lao động về hỗ trợ thời gian, cơ sở vật chất, kinh phí đào tạo; số lớp học nghề, lớp nâng cao tay nghề đã được tổ chức; số người lao động tham gia.

- Thống kê các cuộc thi nâng cao tay nghề, "thợ giỏi" do công đoàn phối hợp tổ chức; các hình thức động viên, khuyến khích người lao động học tập (học ngoại ngữ, tin học, kỹ năng số).

- Thống kê các hoạt động phối hợp với chính quyền, MTTQ, đoàn thể, doanh nghiệp trong tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ. Liệt kê các mô hình, phong trào cụ thể: "Ôn lý thuyết - Luyện tay nghề", "Thi thợ giỏi"; chương trình học tập "Nâng cao hiểu biết chính trị - pháp luật"; các lớp bổ túc văn hóa. Báo cáo số lượng phong trào, lớp học được tổ chức; số người lao động tham gia; hiệu quả thực tiễn.

- Nêu rõ tình hình hoạt động, kết quả đào tạo của các trường, trung tâm thuộc hệ thống Công đoàn Việt Nam (nếu có); đánh giá công tác phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, theo phương châm "Nhà nước - Doanh nghiệp - Người lao động cùng tham gia"; ghi nhận sự tham gia, đóng góp của các doanh nghiệp lớn, công nghệ cao trong đào tạo, bồi dưỡng nhân lực.

- Công tác tuyên truyền, xây dựng tác phong công nghiệp - kỷ luật lao động: Thống kê các hình thức tuyên truyền (hội nghị, sinh hoạt, truyền thông số, panô, tờ rơi, mạng xã hội). Nêu rõ mô hình, cách làm hiệu quả giúp người lao động nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, rèn luyện tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, thích ứng với môi trường sản xuất hiện đại và cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ghi nhận các điển hình tiên tiến, người lao động tiêu biểu trong rèn luyện. kỷ luật và tay nghề.

4. Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn phù hợp với số lượng, cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của đoàn viên, người lao động và yêu cầu hội nhập quốc tế; phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Phát triển đoàn viên và thành lập công đoàn cơ sở: Số đoàn viên kết nạp mới, so sánh với chỉ tiêu hằng năm? Số công đoàn cơ sở được thành lập (đặc biệt là khu vực ngoài nhà nước)? Các mô hình hoạt động mới, hiệu quả để thu hút, giữ chân đoàn viên. Hoạt động vận động người lao động và người sử dụng lao động tham gia, ủng hộ công đoàn. Ứng dụng công nghệ trong quản lý đoàn viên (Hà).

- Sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy công đoàn: Kết quả tinh gọn, kiện toàn tổ chức các cấp. Kết quả thí điểm các mô hình mới: công đoàn ngành, công đoàn tổng công ty, công đoàn khu vực, công đoàn trong DN <25 NLD, DN có đông đoàn viên. Công tác củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở yếu kém. Biện pháp và kết quả bảo vệ cán bộ công đoàn cơ sở.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn: Số lượng, chất lượng cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đề bạt cán bộ (nhấn mạnh cán bộ nữ, cán bộ trưởng thành từ công nhân). Số lượng cán bộ được đào tạo tại Trường Đại học Công đoàn, Đại học Tôn Đức Thắng. Cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ công đoàn.

- Đổi mới phương thức chỉ đạo và hoạt động công đoàn: Việc triển khai "Văn phòng điện tử", ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Các đề án, dự án đang thực hiện: đào tạo trực tuyến, phòng họp trực tuyến, nghiên cứu khoa học công

đoàn. Hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; các hình thức hoạt động mới gắn với nhu cầu, nguyện vọng người lao động.

- Kết quả chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nữ CNVCLĐ, nhất là khu vực ngoài nhà nước. Việc thành lập, kiện toàn Ban Nữ công quản chúng; các hoạt động phát huy vai trò nữ công.

- Số lượng, chất lượng hoạt động đối ngoại đã triển khai. Việc xây dựng, ban hành và triển khai Chiến lược đối ngoại Công đoàn Việt Nam. Kết quả thí điểm tập hợp người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và người nước ngoài làm việc hợp pháp tại Việt Nam tham gia công đoàn.

5. Phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức công đoàn trong tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

- Kết quả tham mưu xây dựng, củng cố tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài nhà nước. Nêu mô hình cụ thể công đoàn đã thành lập, làm tiền đề để hình thành tổ chức đảng. Đánh giá hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp.

- Số lượng đoàn viên ưu tú được giới thiệu, bồi dưỡng và kết nạp Đảng (từng năm, tổng 5 năm). Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đoàn viên, người lao động. Việc phối hợp quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ công đoàn, đoàn viên ưu tú vào cấp ủy, HĐND, lãnh đạo cơ quan/đơn vị. Công tác phối hợp phòng ngừa, ngăn chặn lợi dụng tổ chức đại diện người lao động gây mất an ninh, trật tự.

- Hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng trong công nhân, người lao động. Các hình thức đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng, công đoàn. Kết quả thực hiện Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch gắn với phòng ngừa "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

- Số cuộc giám sát, nội dung giám sát liên quan trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động. Những vấn đề người lao động quan tâm, bức xúc được công đoàn kiến nghị, đề xuất xử lý. Kết quả tham gia giám sát, phản biện theo Quyết định 217-QĐ/T W.

- Số lượng, nội dung góp ý cụ thể với cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý. Cách thức tổ chức lấy ý kiến đoàn viên, người lao động tham gia góp ý. Kết quả thực hiện Quyết định 218-QĐ/TW.

6. Nâng cao chất lượng và đẩy mạnh các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước.

- Đổi mới phương thức phát động, triển khai thi đua: Nêu rõ cách thức đổi mới; các mô hình, cách làm hay được phát hiện, lựa chọn, giới thiệu và nhân rộng.

- Kết quả triển khai các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động. Đánh giá kết quả các phong trào trọng tâm: “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo” trong sản xuất - kinh doanh; làm rõ tác động tới năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả công tác, sức cạnh tranh.

- Kết quả đổi mới công tác tổng kết, đánh giá phong trào thi đua; biểu dương, khen thưởng. Nêu rõ kết quả khen thưởng tập trung vào người lao động trực tiếp, tập thể lao động nhỏ nhưng hiệu quả.

- Công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua, khen thưởng trong hệ thống công đoàn. Nêu rõ việc điều chỉnh tiêu chí đánh giá phong trào thi đua phù hợp với tình hình mới, bảo đảm khách quan, công bằng, khuyến khích sáng tạo.

7. Xây dựng nguồn lực tài chính đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.

- Công tác thu kinh phí và đoàn phí công đoàn: Kết quả tham mưu với cấp ủy, chính quyền, phối hợp với cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội trong việc thu đúng, đủ, kịp thời. Số liệu về tỷ lệ thu/hoàn thành kế hoạch, số trường hợp nợ đọng, thất thu đã xử lý. Việc ban hành, áp dụng quy chế khen thưởng trong công tác thu; cách làm sáng tạo trong thu đoàn phí bằng công nghệ, trực tuyến, mức độ tăng tỷ trọng thu đoàn phí.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách và quản lý tài chính: Kết quả phối hợp với bộ, ngành trong việc rà soát, hoàn thiện chính sách huy động nguồn lực. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý tài chính, tài sản công đoàn; mức độ công khai, minh bạch tại cơ sở. Đóng góp, đề xuất đối với Luật Công đoàn (sửa đổi) về cơ chế tài chính.

- Công tác chi, sử dụng tài chính: Việc ban hành, thực hiện quy định về nội dung chi, định mức chi, cơ cấu chi Tỷ lệ, mức chi cho các nhiệm vụ trọng tâm: đại diện, bảo vệ quyền lợi NLĐ; hoạt động thiết chế; phúc lợi đoàn viên; đào tạo cán bộ. Công tác kiểm soát, quyết toán, chấp hành chế độ tài chính.

- Sử dụng tài chính tích lũy, điều tiết nguồn lực: Hiệu quả sử dụng nguồn tích lũy, kết quả điều tiết giữa các cấp công đoàn. Tỷ lệ để lại nguồn kinh phí cho cơ sở; các mô hình sử dụng tài chính tích lũy hiệu quả.

- Quản lý đơn vị sự nghiệp và kinh tế công đoàn: Tình hình xây dựng, ban hành quy định tự chủ tài chính theo Nghị quyết 19-NQ/TW. Kết quả huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho thiết chế, đơn vị sự nghiệp. Số lượng đơn vị kinh tế, sự nghiệp đã được sắp xếp, đổi mới, kết quả xử lý các đơn vị hoạt động kém hiệu quả.

- Công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống vi phạm: Hoạt động kiểm tra, giám sát của UBKT công đoàn các cấp về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản. Các trường hợp vi phạm, sai phạm, tiêu cực đã phát hiện và xử lý.

8. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu và các chương trình, kế hoạch, đề án.

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Khi báo cáo, cần làm rõ: Kết quả nổi bật, chỉ ra những chỉ tiêu hoàn thành hoặc vượt; những mô hình hay, cách làm sáng tạo; sự hài lòng của đoàn viên và người lao động; sự ghi nhận của cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp.

2. Hạn chế và nguyên nhân (khách quan và chủ quan)

3. Bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tới.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Dự báo tình hình

- Bối cảnh quốc tế.

- Bối cảnh trong nước.

- Đối với công đoàn

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thời gian tới

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bao gồm cả đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu (nếu có)